

Số: 3830/TB-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2023

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường Đại học Trà Vinh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, đợt tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

1. NGÀNH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

| STT | Ngành | Mã ngành | Chỉ tiêu | Phương thức tuyển sinh |
|-----|---|----------|----------|------------------------|
| 01 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn | 9140111 | 02 | Xét tuyển |
| 02 | Văn hóa học* | 9229040 | 02 | |
| 03 | Quản lý kinh tế | 9310110 | 05 | |
| 04 | Tài chính – Ngân hàng | 9340201 | 04 | |
| 05 | Phát triển nông thôn | 9620116 | 02 | |
| 06 | Thú y | 9640101 | 05 | |
| 07 | Luật kinh tế | 9380107 | 03 | |
| 08 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | 9140111 | 02 | |
| 09 | Công nghệ thông tin | 9480201 | 02 | |

(*) Ngành Văn hóa học thực hiện thêm phương thức xét tuyển theo Quyết định số 1667/QĐ-BGDĐT, ngày 01/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành danh sách các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo và các ngành đào tạo (đợt tháng 6 năm 2021) theo Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89).

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

2.1 Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp (phụ lục 2).

2.2 Về kinh nghiệm nghiên cứu, đáp ứng **một** trong các điều kiện:

a) Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu;
b) Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

2.3 Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (*Phụ lục 1*);

2.4 Người dự tuyển là công dân nước ngoài: có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của từng chương trình đào tạo.

2.5 Kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác: Đạt đủ điều kiện theo yêu cầu cụ thể từng ngành dự tuyển theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh.

3. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

3.1. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung.

3.2. Thời gian đào tạo:

a) Đối với người có bằng thạc sĩ: từ 03 đến 04 năm (36 tháng đến 48 tháng);

b) Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: 04 năm (48 tháng).

4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ

4.1. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Lý lịch khoa học;
- Bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học (06 bản sao có chứng thực);
- Bằng tốt nghiệp và bằng điểm thạc sĩ (06 bản sao có chứng thực, nếu có);
- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (06 bản sao có chứng thực);
- 06 bản sao bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu (nếu có), gồm: Trang bìa, trang mục lục và toàn bộ nội dung bài báo khoa học;
- 06 bộ đề cương nghiên cứu: Đề cương trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp thực hiện và kết quả mong muốn đạt được; Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh về kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa;
- Xác nhận của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ về thời gian công tác nếu người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- 03 ảnh 4x6cm (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự tuyển ở mặt sau);
- Căn cước công dân (bản sao có chứng thực);
- Giấy khám sức khỏe trong thời hạn 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

Các biểu mẫu được đăng trên website: <https://sdh.tvu.edu.vn> (mục Trang tuyển sinh – Biểu mẫu xét tuyển nghiên cứu sinh).

4.2. Hình thức đăng ký:

- Trực tiếp: tại Phòng Đào tạo Sau đại học
- Hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường Bưu điện đến **Phòng Đào tạo Sau đại học**

(A11.101), Trường Đại học Trà Vinh.

5. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, XÉT TUYỂN VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

5.1. Nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 18/12/2023.

5.2. Xét tuyển: Trong tháng 12/2023.

5.3. Thời gian công bố kết quả: Sau hai tuần kể từ ngày xét tuyển.

5.4. Lệ phí xét tuyển: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ.

Thí sinh nộp lệ phí tại Phòng Tài chính, Trường Đại học Trà Vinh.

Hoặc chuyển khoản - Chủ tài khoản: Trường Đại học Trà Vinh, số tài khoản: 7400211000777 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh, khi nộp cần ghi rõ họ tên, ngành đăng ký dự tuyển, đơn vị công tác.

Mọi chi tiết liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học (A11.101), Trường Đại học Trà Vinh, Số 126 Nguyễn Thiện Thành, phường 5, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943.779.888

Email: sdh@tvu.edu.vn.

Lưu ý:

- Các văn bằng, bảng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

- Không hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí cho người dự tuyển.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- HĐT(b/c);
- BGH(b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- UBND tỉnh Trà Vinh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành trong và ngoài tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Lưu: VT, P.ĐTSDH. *12/6*



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hòa

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| Stt | Ngôn ngữ | Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận | Trình độ/Thang điểm |
|-----|------------------------------------|--|--|
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | Từ 46 trở lên |
| | | IELTS | Từ 5.5 trở lên |
| | | Cambridge Assessment English | B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 trở lên |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 trở lên |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N3 trở lên |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКН-2 trở lên |
| 7 | Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác | Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | Từ bậc 4 trở lên |



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

(Đính kèm Thông báo số 3830/TB-ĐHTV ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) |
|--|--|
| 1. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN NGỮ VĂN | |
| a. Trình độ thạc sĩ, đại học: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn b. Trình độ đại học: Sur phạm Ngữ văn | <ul style="list-style-type: none">- Giáo dục học- Quản lý giáo dục- Văn hoá học- Văn học- Văn học Việt Nam- Việt Nam học- Lý luận văn học- Tâm lý học- Lý luận và Phương pháp dạy học- Ngôn ngữ học |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức) |
|--|--|---|
| 2. NGÀNH VĂN HOÁ HỌC | | |
| <p>a. Trình độ thạc sĩ, đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa học - Quản lý văn hóa - Đông phương học - Việt Nam học <p>b. Trình độ đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam - Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Du lịch - Công tác xã hội - Luật - Quản trị văn phòng - Quan hệ công chúng - Xã hội học - Nhân học - Tôn giáo học - Triết học - Lịch sử - Ngôn ngữ học - Sư phạm Ngữ văn - Chính trị học - Quan hệ quốc tế - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Địa lý học - Báo chí học - Bảo tàng học - Xã hội học - Thiết kế thời trang - Truyền thông đại chúng - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn - Quản lý giáo dục - Giáo dục học - Văn học Việt Nam | <p>Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/phù hợp và các ngành gần.</p> |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức) |
|--|---|---|
| 3. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kinh tế - Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế | <ul style="list-style-type: none"> - Chính trị học - Quản lý nhà nước - Kế toán - Quan hệ quốc tế - Xã hội học - Nhân học - Tâm lý học - Tâm lý học giáo dục - Địa lý học - Quốc tế học - Kinh tế nông nghiệp - Nhóm ngành Kinh doanh - Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán - Nhóm ngành Quản trị - Quản lý - Nhóm ngành Quản lý công nghiệp - Nhóm ngành Quản lý xây dựng - Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường | <p>Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/phù hợp và các ngành gần.</p> |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức) |
|--|---|---|
| 4. NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG | | |
| <p>a. Trình độ thạc sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng - Tài chính công - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng - Bảo hiểm <p>b. Trình độ đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng - Tài chính công - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng - Bảo hiểm - Chứng khoán | <p>a. Trình độ thạc sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại - Kế toán - Kiểm toán - Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển - Kinh tế đầu tư - Kinh tế quốc tế - Quản lý kinh tế - Quản trị nhân lực <p>b. Trình độ đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại - Kế toán - Kiểm toán - Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển - Kinh tế đầu tư - Kinh tế quốc tế - Quản lý kinh tế - Quản trị nhân lực | <p>Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/phù hợp và các ngành gần.</p> |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) |
|---|---|
| 5. NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | |
| <p>a. Trình độ thạc sĩ, đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nông thôn - Khuyến nông và Phát triển nông thôn <p>b. Trình độ đại học</p> <p>Nông nghiệp nông thôn</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống nông nghiệp - Khoa học đất - Chăn nuôi - Khoa học cây trồng (trồng trọt) - Kinh tế nông nghiệp - Khoa học nông nghiệp - Nông học - Kinh tế phát triển - Sinh học - Sinh thái học - Phát triển bền vững - Quản trị kinh doanh - Quản lý kinh tế - Lâm học - Nuôi trồng thủy sản - Quản lý tài nguyên và môi trường - Quản lý đất đai - Khoa học xã hội - Xã hội học |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) |
|--|---|
| 6. NGÀNH THÚ Y | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Thú y - Dược thú y - Chăn nuôi thú y | <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi - Bệnh học thủy sản - Sinh lý động vật - Nuôi trồng thủy sản - Công nghệ giống vật nuôi - Công nghệ sản xuất thức ăn gia súc |
| 7. NGÀNH LUẬT KINH TẾ | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Luật dân sự và tố tụng dân sự - Luật kinh tế - Luật kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật - Luật quốc tế - Luật hình sự và tố tụng hình sự - Luật hiến pháp và luật hành chính |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức) |
|---|--|--|
| 8. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH | | |
| Trình độ thạc sĩ, đại học: - Sư phạm tiếng Anh - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ Anh (English/English Studies) - Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh (Applied Linguistics in English) - Văn chương Anh/Mỹ (British/English/American Literature) - Giáo dục ngôn ngữ (Language Education) - Ngôn ngữ học (Linguistics) - Quản lý Giáo dục (Educational Leadership) | Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần, được đào tạo bằng tiếng Anh với điều kiện: - Đã tốt nghiệp Thạc sĩ và có chứng chỉ quốc tế IELTS còn thời hạn, điểm trung bình 6.5 (không có điểm thành phần dưới 6) hoặc tương đương - Hoặc đã tốt nghiệp thạc sĩ và được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp thạc sĩ nước ngoài với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh |

| Ngành, chuyên ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức) | Ngành, chuyên ngành phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức) |
|--|--|--|
| 9. NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | | |
| <p>a. Trình độ thạc sĩ, đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin - An toàn thông tin - Quản lý công nghệ thông tin - Quản lý hệ thống thông tin - Khoa học máy tính - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu - Kỹ thuật phần mềm - Hệ thống thông tin - Kỹ thuật máy tính - Cơ sở toán cho tin học - Toán tin - Nhóm ngành Khoa học máy tính - Nhóm ngành Kỹ thuật máy tính - Nhóm ngành Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo - Nhóm ngành Quản lý thông tin, Hệ thống thông tin <p>b. Trình độ đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật máy tính - Khoa học dữ liệu - Trí tuệ nhân tạo - Sư phạm tin học | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật viễn thông - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật mật mã - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Khoa học tính toán - Toán ứng dụng - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Tin học - Nhóm ngành Kỹ thuật Điện tử, Viễn thông - Nhóm ngành Kỹ thuật Điều khiển, Tự động hóa - Nhóm ngành Kỹ thuật Điện - Nhóm ngành Kỹ thuật Y sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Toán học - Nhóm ngành Toán ứng dụng, Thống kê - Nhóm ngành Sư phạm Toán - Nhóm ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Toán, Tin |